HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35/2025/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành quy định nội dung đầu tư, mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ "Phát triển sản xuất giống" theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ Phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030;

Xét Tờ trình số 2345/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung đầu tư, mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 619/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành quy định nội dung đầu tư, mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung đầu tư, mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An ban hành Quy định nội dung chi, mức chi từ ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Long An và Nghị quyết số 65/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nội dung đầu tư, mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2024-2030.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đang thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An, Nghị quyết số 65/2023/NQ-HĐND Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách hỗ trợ đã được phê duyệt. Trường hợp đã trình cơ quan có thẩm quyền để được hưởng chính sách hỗ trợ trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa phê duyệt thì tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với các dự án phát triển sản xuất giống đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Nghị quyết này trước ngày 31 tháng 12 năm 2030 nhưng chưa hết thời gian hỗ trợ thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này cho đến khi hết thời gian hỗ trợ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khoá X, Kỳ họp thứ 7 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản Quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TTHĐND, UBND các xã, phường;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Tây Ninh;
- Các Phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Nội dung đầu tư, mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung đầu tư, mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông nghiệp, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Nguồn kinh phí, nguyên tắc áp dụng, nguyên tắc quản lý sử dụng kinh phí thực hiện dự án phát triển sản xuất giống

1. Nguồn kinh phí

a) Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, các nguồn vốn khác để thực hiện dự án phát triển sản xuất giống.

c) Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất giống.

2. Nguyên tắc áp dụng

Trong cùng một thời điểm, nếu có nhiều chính sách hỗ trợ có hiệu lực thi hành trùng lặp với chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì chỉ được áp dụng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí

a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc giao các sở, ban, ngành quản lý và tổ chức thực hiện. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

b) Ngân sách cấp xã, phường đảm bảo kinh phí cho các dự án phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp xã, phường quản lý và tổ chức thực hiện với tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án.

c) Dự án phát triển sản xuất giống chưa nhận bất kỳ hỗ trợ nào từ nguồn ngân sách nhà nước.

d) Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo tiến độ thực hiện của dự án tương ứng với tỷ lệ đóng góp nguồn lực đối ứng theo cam kết của đơn vị và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Nội dung do ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí, hỗ trợ một phần kinh phí đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia

1. Ngân sách Nhà nước đảm bảo 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản quản lý và tổ chức thực hiện, căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

a) Nhập nội, mua bản quyền giống mới: hỗ trợ cho đơn vị nhập nội, mua bản quyền dòng/giống mới đối với cây nông, lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản ngắn ngày (hoặc hằng năm) mà trong nước chưa có hoặc còn thiếu.

b) Bình tuyển cây đầu dòng, cây trội: hỗ trợ cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân bình tuyển, công nhận cây đầu dòng, cây trội. Cây đầu dòng, cây trội sau khi được cấp có thẩm quyền công nhận phải được bàn giao cho các chủ sở hữu quản lý, khai thác phục vụ nhân giống.

c) Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống: hỗ trợ cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân chăm sóc rừng giống trồng, vườn giống, vườn cây đầu dòng hoặc tương đương (tùy từng loại cây trồng có cách gọi khác nhau); đối với cây nông nghiệp hằng năm, gồm cả chi phí trồng mới.

d) Nhập nội, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống: Hỗ trợ cho đơn vị nhập nội công nghệ sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản theo giá trị chuyển nhượng bản quyền (bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển gia công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có)); hỗ trợ cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp và giống thủy sản.

đ) Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ sản xuất giống: hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước và nước ngoài cho công chức, viên chức làm công tác quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống; người lao động trực tiếp tham gia thực hiện các nội dung của dự án giống.

e) Quản lý chất lượng giống: hỗ trợ cho các đơn vị xây dựng cơ sở dữ liệu về giống; ứng dụng công nghệ thông tin quản lý giống; kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng giống; thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật về giống; đào tạo, tập huấn ngắn hạn về quản lý giống; tuyên truyền sử dụng giống mới, giống đúng tiêu chuẩn chất lượng.

g) Kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chương trình.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản quản lý và tổ chức thực hiện, gồm:

a) Đối với lĩnh vực trồng trọt: hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1. Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng.

b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ.

c) Đối với lĩnh vực lâm nghiệp: hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống, chi phí nhân công thu hái hạt giống từ cây trội, rừng giống trồng, vườn giống để sản xuất cây giống. Hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô; chi phí nhân công thu hái hạt giống từ cây trội, rừng giống trồng, vườn giống để sản xuất cây giống.

d) Đối với lĩnh vực thủy sản: hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống bố mẹ; sản xuất giống thủy sản sạch bệnh.

Điều 4. Nội dung do ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí, hỗ trợ một phần kinh phí đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác

1. Việc lựa chọn các giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác tại địa phương để hỗ trợ theo chính sách của Chương trình này do Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể xem xét, quyết định nhằm đạt mục tiêu của Chương trình.

2. Nội dung, tỷ lệ hỗ trợ bằng 70% mức đảm bảo kinh phí và hỗ trợ kinh phí quy định tương ứng tại Điều 3 Quy định này.

Điều 5. Nội dung chi, định mức chi

Nội dung chi, mức chi được nêu tại Điều 3 của Quy định này được thực hiện theo định mức, định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Điều này quy định thêm một số nội dung chi, định mức chi như sau:

1. Hỗ trợ sản xuất giống

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí nhân công và vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Bộ ngành

và Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, trong đó đơn giá nhân công được xác định như sau:

a) Công lao động kỹ thuật được tính tối đa bằng 70% hệ số tiền công ngày cho chức danh thành viên chính thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An quy định định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Long An và khoản 1 Điều 4, khoản 4, khoản 5 Điều 5 của Thông tư 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án sản xuất giống. Nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

b) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An. Thời gian đào tạo, mức chi trả thù lao cho giảng viên và hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật được phê duyệt trong từng dự án cụ thể.

c) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

d) Chi hỗ trợ tài liệu học, nơi ở, tiền ăn, tiền đi lại cho học viên: Tài liệu học, nơi ở cho học viên: học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); đối với chỗ ở cho người học: trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ bao gồm chi phí điện, nước; trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ theo khoản 3, khoản 4 Điều 2 và khoản 6 Điều 3 của Nghị quyết số

05/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi phí hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Tiền ăn, tiền đi lại: học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại theo quy định tại tại khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

3. Kiểm soát chất lượng giống

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh./.